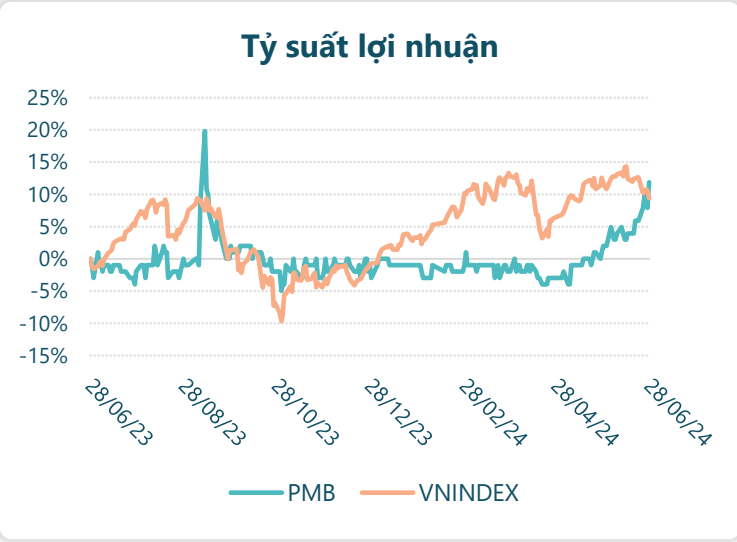


Ngày	11,300 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.6%	14.1%	11.9%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,600 - 12,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,720
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	(0.02)
EPS	890
P/E	12.7



Doanh thu thuần
Q2/24

668

tỷ VNĐ

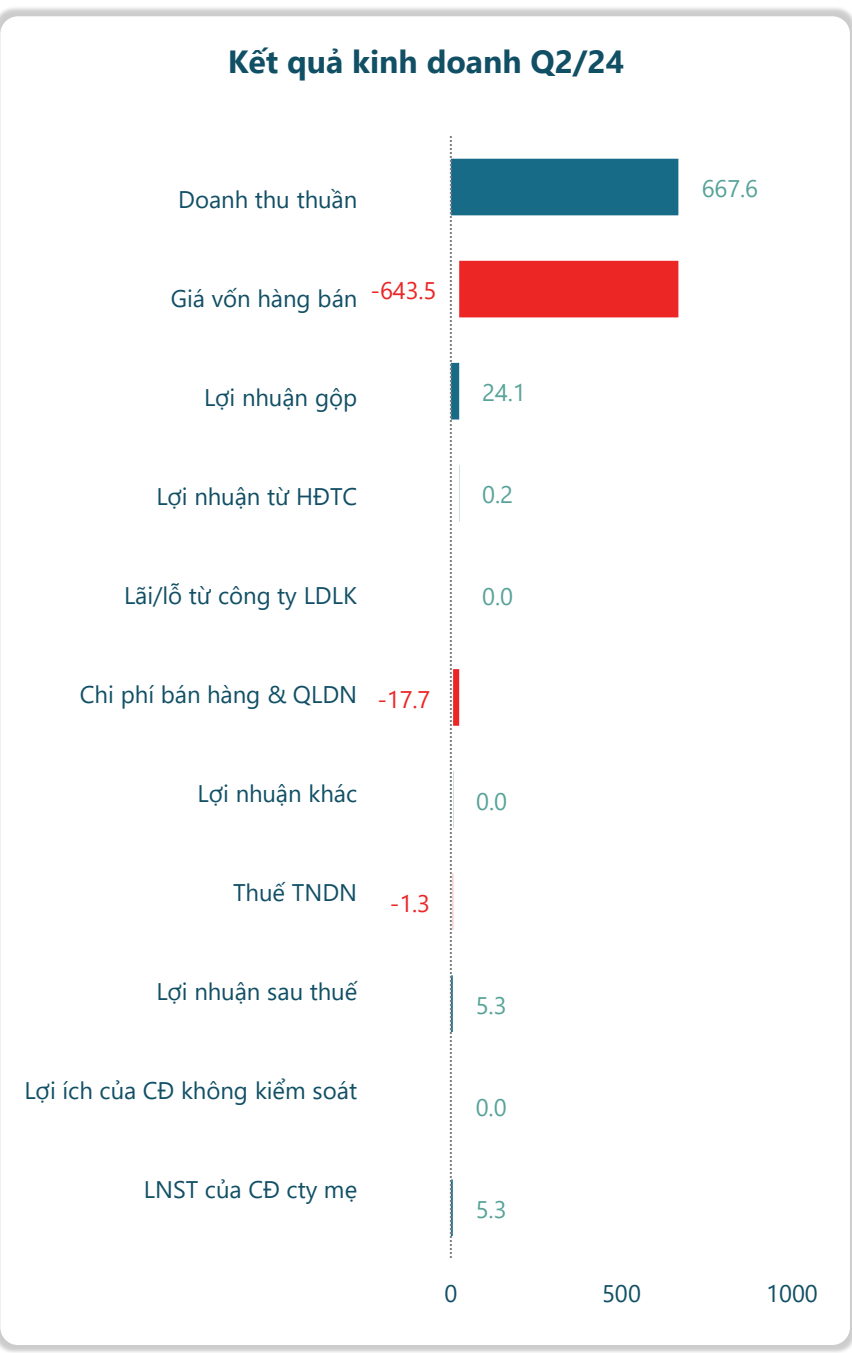
QoQ: ▲ 147 | 28.1%

YoY: ▲ 53.0 | 8.6%

Nợ/VCSH
Q2/24

56.1%

YoY: +/-▲ 20.5%



LN gộp
Q2/24

24.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.30 | 21.8%

YoY: ▲ 2.70 | 12.7%

ROE (TTM)
Q2/24

7.2%

YoY: +/-▲ 1.6%

LN trước thuế
Q2/24

6.60

tỷ VNĐ

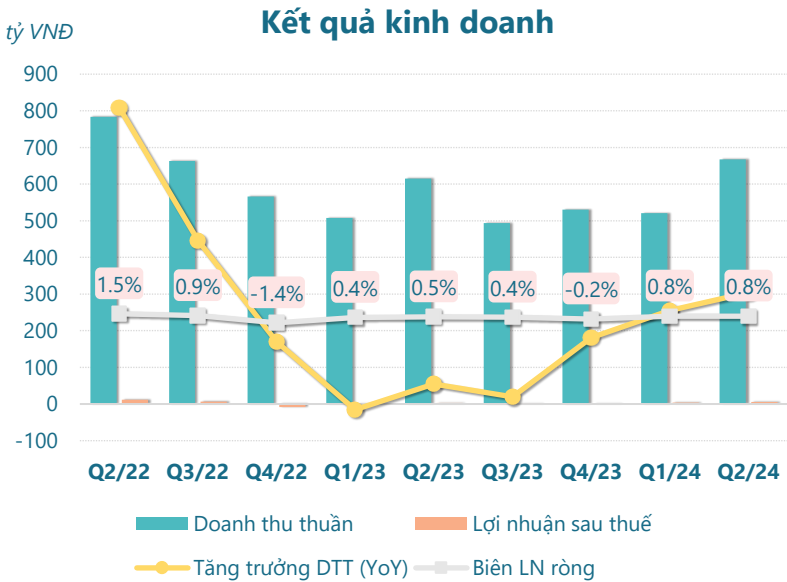
QoQ: ▲ 1.36 | 26.0%

YoY: ▲ 2.56 | 63.4%

ROA (TTM)
Q2/24

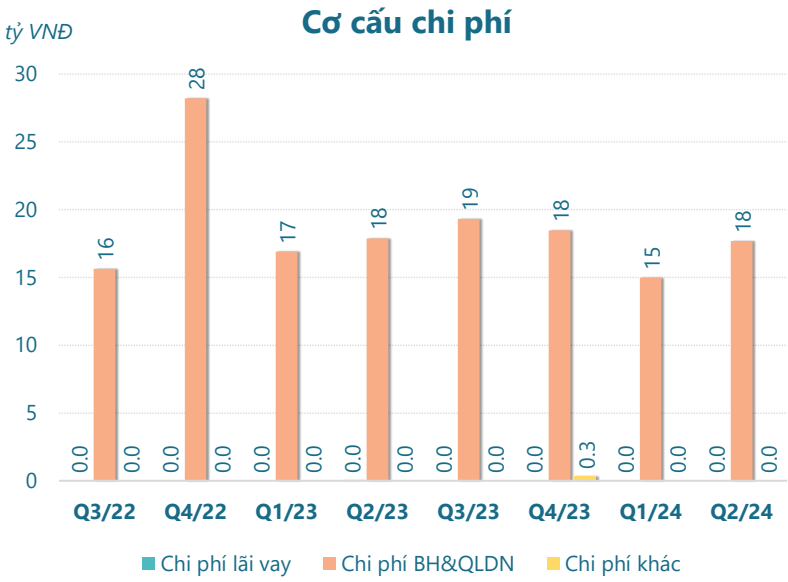
4.8%

YoY: +/-▲ 0.7%



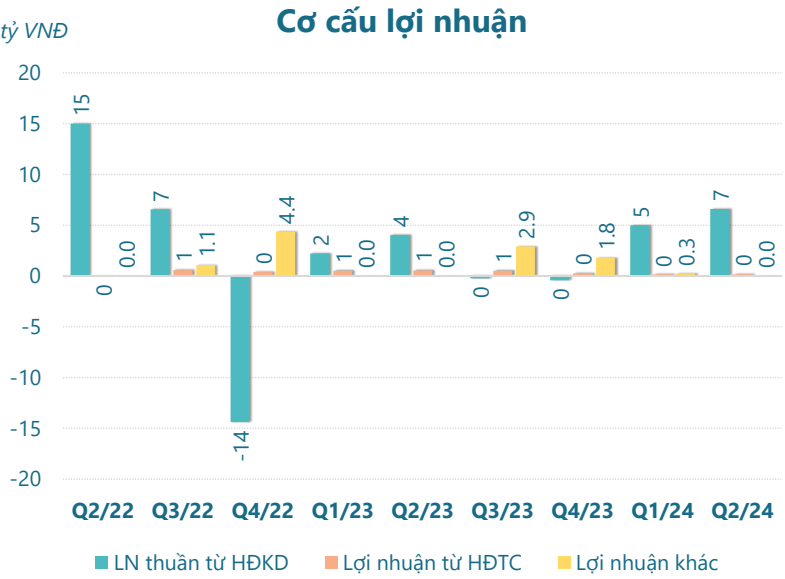
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 6.59 tỷ đồng**, tăng thêm 32.3% so với kỳ trước và cao hơn 63.1% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.17 tỷ đồng**, tăng thêm 6.25% so với kỳ trước và thấp hơn 69.6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.01 tỷ đồng**, giảm đi 96.2% so với kỳ trước và tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **PMB** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **667.6 tỷ đồng** tăng thêm **8.53%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.28 tỷ đồng, tăng trưởng 63.5%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,188 tỷ đồng** cao hơn 5.79% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 9.00 tỷ đồng** cao hơn 80.0% so với cùng kỳ năm trước.



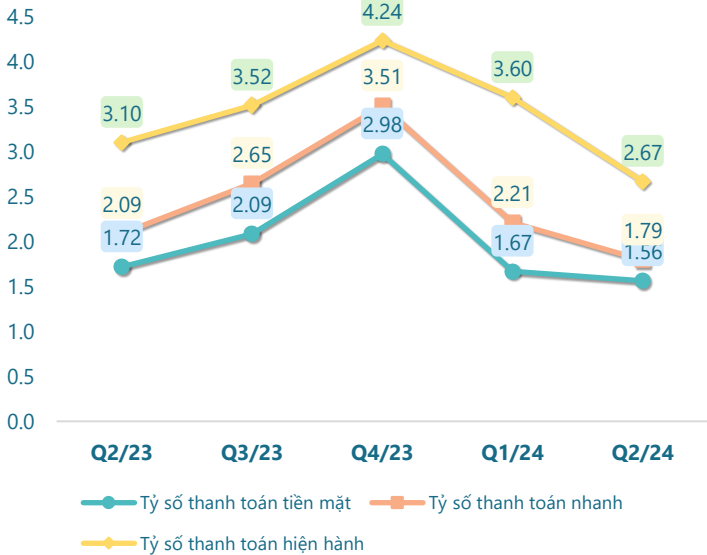
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **17.69 tỷ đồng** tăng thêm 18.1% so với kỳ trước và thấp hơn 1.06% so với cùng kỳ năm trước.

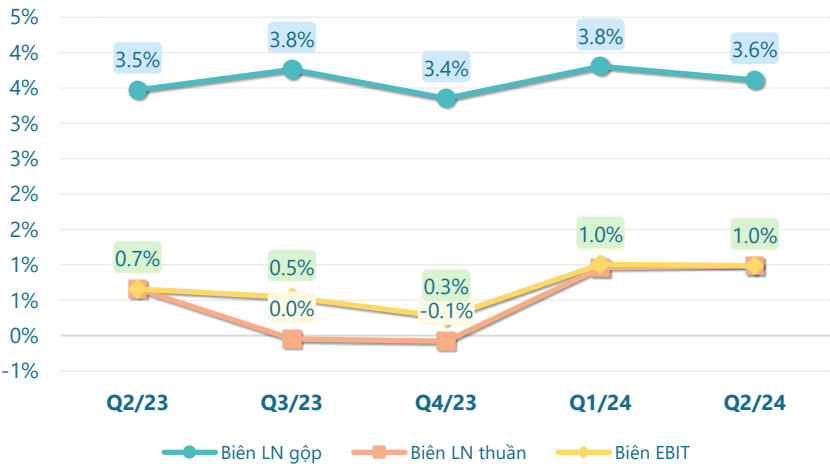
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	668	521	28.1%	615	8.6%	1,188	1,123	5.8%
Giá vốn hàng bán	644	501	28.4%	594	8.3%	1,144	1,083	5.7%
Lợi nhuận gộp	24.1	19.8	21.8%	21.4	12.7%	43.9	40.0	9.9%
Doanh thu HĐTC	0.17	0.16	6.2%	0.58	-70.7%	0.33	1.09	-70.2%
Chi phí TC	0	0.00		0.02	-100%	0	0.02	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.02	-100%	0	0.02	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	14.2	11.7	21.3%	13.8	2.9%	25.9	26.8	-3.2%
Chi phí QLDN	3.49	3.26	7.2%	4.11	-15.0%	6.75	8.02	-15.8%
LN thuần từ HĐKD	6.59	4.98	32.3%	4.04	63.1%	11.6	6.25	85.3%
Lợi nhuận khác	0.01	0.26	-94.5%	0.00		0.27	0.05	442%
LN trước thuế	6.60	5.24	26.0%	4.04	63.4%	11.8	6.30	88.1%
Lợi nhuận sau thuế	5.28	4.10	28.8%	3.23	63.5%	9.39	5.04	86.3%
LNST của CĐ cty mẹ	5.28	4.10	28.8%	3.23	63.5%	9.39	5.04	86.3%

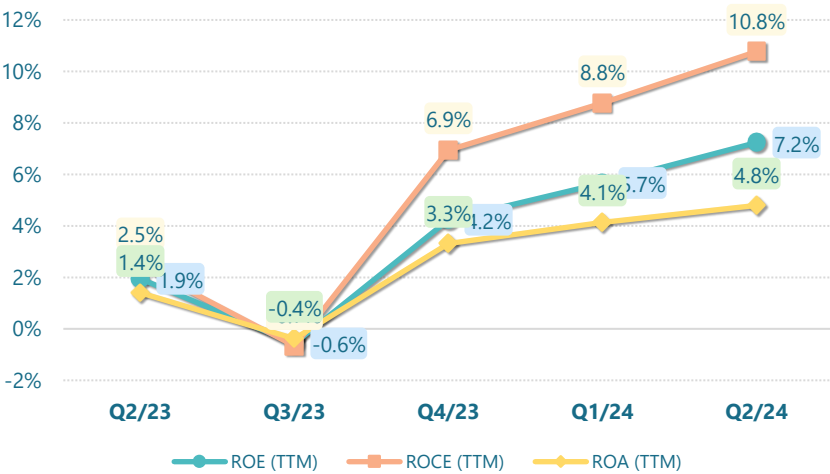
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

